

Bản án số: 172/2023/DS-PT.

Ngày: 27 - 12 - 2023.

V/v: Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất và tranh
chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh.
Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15, 21 và 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, về “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh E, sinh năm 1968.

Địa chỉ: KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh L, sinh năm 1957, địa chỉ: KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đ. Văn phòng Luật sư TĐ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh H, sinh năm 1950.

2. Bà Châu T, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Nguyễn T. Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy-HG, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh L, sinh năm 1957.

Địa chỉ: KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh L: Luật sư Trần Đ. Văn phòng Luật sư Trần Độ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Huỳnh UL, sinh năm 1970.

3. Bà Huỳnh K, sinh năm 1980.

4. Ông Huỳnh G, sinh năm 1986.

5. Ông Huỳnh S, sinh năm 1985.

6. Ông Ngô D, sinh năm 1979.

7. Ông Lưu D.

Cùng địa chỉ: KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

8. Bà Phạm D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: KV B, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

9. Ông Tô H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: KV C, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

10. Ông Huỳnh HT, sinh năm 1969.

Địa chỉ: KV D, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

11. Bà Tô Thị Nhung, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

12. Ông Huỳnh UE, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Hòa Phụng B, thị trấn KC, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

13. Ông Huỳnh TN, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Long Trị A, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn ông Huỳnh E.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh UL.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh UE.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh E trình bày: Ông là con của cụ Huỳnh V (chết năm 2018) và cụ Lê Thị Bảy (chết năm 1999), cụ V và cụ B có 06 người con gồm: Huỳnh H; Huỳnh L, Huỳnh TN, Huỳnh E, Huỳnh Văn Út Em, Huỳnh UL.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Tào P cho cha ông là cụ Huỳnh V mượn vào năm 1960, đến năm 1975 cụ Quý yêu cầu cha ông trả lại, cha ông đã trả lại một phần diện tích cho cụ Quý, còn lại hơn 4.000m² cụ V sử dụng. Đến năm 2015 bà Phan A là dâu cụ Tào P khởi kiện đòi lại phần đất khoảng 4.000m² mà cụ V đang ở. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công nhận phần đất tranh chấp diện tích 4.360,4m² cho cụ Huỳnh V, ông Huỳnh H và bà Châu T được quyền sử dụng, buộc cụ Vĩnh, ông H, bà T trả giá trị cho bà Phan A số tiền 2.616.240.000 đồng. Tuy nhiên phần đất thuộc quyền sử dụng của cha ông thì ông H, bà T đã lợi dụng lúc cụ V không minh mẫn làm thủ tục ủy quyền để ông H đứng tên toàn bộ phần đất diện tích 4.360,4m². Sau đó cụ V có yêu cầu ông H trả lại phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ V diện tích 1.500m² và có ủy quyền cho ông để đòi lại phần đất trên, nhưng UBND phường TA mời hòa giải 02 lần, ông H, bà T không đến thì cụ V chết.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với phần đất tại vị trí số IX, IXa, Ixb có diện tích 1.461,3m² cho ông, bà UL và ông Út Em. Đối với công trình kiến trúc, cây trồng trên đất ông yêu cầu ông H, bà T tự tháo dỡ, di dời ông không đồng ý bồi thường.

Bị đơn Huỳnh H trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông Huỳnh E về cha, mẹ và những anh chị em trong gia đình. Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của cụ Tào P cho cụ V mượn 10 công đất ruộng và 6,3 công vườn vào năm 1960 đến năm 1975 cụ Quý đòi lại đất thì cụ V đã trả 10 công ruộng còn phần đất vườn thì chưa trả. Đến năm 2015 thì bà Phan A là dâu cụ Tào P khởi kiện yêu cầu ông, cụ Vĩnh, bà T trả lại phần đất vườn đã mượn của cụ Quý trước đây.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 62/2016/DS-PT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công nhận cho cụ Huỳnh V, ông Huỳnh H, bà Châu T phần đất diện tích 4.360,4m², buộc vợ chồng ông và cụ V trả giá trị cho bà Phan A số tiền 2.616.240.000 đồng. Do cụ V không có tiền trả giá trị cho bà Anh, nên cụ V cho lại cho ông toàn bộ phần đất cụ V được công nhận và ông có nghĩa vụ trả toàn bộ giá trị 2.616.240.000 đồng cho bà Anh, theo văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2017 đã được công chứng, đến ngày 27/12/2017 ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp giấy quyền sử dụng đất tại 02 thửa số 05 và 10, theo giấy chứng nhận QSD đất số CS01178 và CS01177, vợ chồng ông đã trả đủ giá trị cho bà Phan A vào ngày 19/12/2018 với số tiền

2.616.240.000 đồng, ngoài ra ông đã nộp toàn bộ án phí và chi phí thẩm định đo đạc theo bản án.

Nay ông Huỳnh E yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất của cụ Huỳnh V được sở hữu là 1.461,3m², ông không đồng ý. Vì phần đất trên cụ V đã có văn bản cho ông sử dụng và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Ngoài ra, ông yêu cầu bà Huỳnh L trả lại phần đất diện tích 151,8m² tại vị trí số III mà trước đây cụ V đã cho bà Lợi cất nhà ở, đồng thời yêu cầu bà Lợi tháo dỡ công trình kiến trúc trả lại đất cho ông.

Bị đơn bà Châu T trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh H, bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông H, không trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L trình bày: Bà là con của cụ V và cụ B, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha bà là cụ V mượn của ông Tào P sử dụng từ năm 1960 đến khi mất, vào năm 2002 cụ V có viết giấy tay cho bà phần đất ngang 6m, dài 40m và cùng năm bà đã cất nhà ở cho đến nay. Vào thời điểm xảy ra tranh chấp giữa bà Phan A và cụ Vĩnh, ông H, bà T thì bà cũng biết nhưng do bà đi làm thuê tại huyện Ba Hòn, tỉnh Kiên Giang nên bà cũng không có ý kiến gì. Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 151,8m² (vị trí số III) mà trước đây cụ V cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh UL trình bày: Bà là con của cụ V và cụ B, bà thống nhất lời trình bày của bà Huỳnh L về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Vào thời điểm xảy ra tranh chấp giữa bà Phan A và cụ Vĩnh, ông H, bà T thì bà cũng biết nhưng bà cũng để cho ông H đại diện, nên không có ý kiến gì. Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 1.461,3m² (tại vị trí IX, IXa, IXb) do cụ V để lại cho bà, ông E và ông Út Em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh TN trình bày: Ông là con của cụ V và cụ B, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Vĩnh, khi xảy ra tranh chấp giữa bà Phan A với cụ V, ông H, bà T thì ông không hay biết vì đi làm ăn xa. Nay anh em trong gia đình phát sinh tranh chấp ông không có ý kiến và cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ kiện này, ông rút lại văn bản ủy quyền ngày 17/5/2019 đối với ông E. Ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông UE trình bày: Ông là con của cụ V và cụ B, ông thống nhất lời trình bày của bà Huỳnh L về nguồn gốc phần đất tranh chấp. Vào thời điểm xảy ra tranh chấp giữa bà Phan A với cụ Vĩnh, ông H, bà T thì ông cũng biết, nhưng ông để cho ông H đại diện, nên không có ý kiến gì. Nay ông yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất diện tích 1.461,3m² (tại vị trí IX, IXa, IXb) thuộc quyền sử dụng của cụ V cho ông, ông E và bà UL.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh K trình bày: Chị là con

của ông Huỳnh H và bà Châu T. Năm 2018 ông H, bà T có cho chị phần đất ngang 05m dài 30m, chị đã cất nhà ở ổn định nhưng chưa sang tên. Nay chị yêu cầu được ổn định sử dụng và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Huỳnh S trình bày: Anh là con của ông Huỳnh H và bà Châu T. Năm 2018 ông H, bà T cho anh phần đất ngang 05m dài 30m, anh đã cất nhà ở nhưng chưa sang tên, anh yêu cầu được ổn định sử dụng và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị Nhung trình bày: Chị là con của ông Huỳnh H và bà Châu T; ông H, bà T có cho chị phần đất để cất nhà ở nhưng chưa sang tên, nay chị yêu cầu được ổn định sử dụng và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Huỳnh G trình bày: Anh là con của ông Huỳnh H và bà Châu T. Năm 2018 ông H, bà T cho anh phần đất ngang 05m dài 30m, anh đã cất nhà ở nhưng chưa sang tên, anh yêu cầu được ổn định sử dụng và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Ngô D trình bày: Anh là con của bà Huỳnh L, đang ở cùng nhà với bà Lợi, anh thống nhất với lời trình bày của bà Lợi, không có ý kiến gì khác và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh E và không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh UL, UE về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất tại vị trí số IX, IXa, IXb diện tích 1.461,3m² (có lược đồ kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L phần đất tại vị trí số III diện tích 151,8m² (có lược đồ kèm theo).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn ông Huỳnh H đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L. Buộc bà Huỳnh L có nghĩa vụ trả lại giá trị đất cho ông Huỳnh H số tiền 1.483.086.000 đồng, bà Lợi được quyền sử dụng 151,8m² đất và các cây trồng trên phần đất tại vị trí số III. Bà Huỳnh L có quyền liên hệ với cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có lược đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2020, nguyên đơn ông Huỳnh E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 06/4/2020, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L, bà Huỳnh UL và ông UE có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cùng với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn yêu cầu chia thừa kế của các ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Ông Huỳnh H khai khi lập Văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2017 cụ Huỳnh V lần tay tại nhà là mâu thuẫn với Lời chứng của Ủy ban nhân dân phường TA nên Văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2017 không đúng về hình thức. Bà Huỳnh L đã cất nhà và sử dụng phần đất từ năm 2002 đến nay nên đề nghị ổn định cho bà; do ông H đã xây dựng nhà, công trình trên đất nên việc ông Huỳnh E, ông UE và bà Huỳnh UL yêu cầu được nhận giá trị là có căn cứ; đối với cây trồng và công trình trên đất tranh chấp không có yêu cầu.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Không có ai khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng sở hữu là cụ Vĩnh, ông H và bà T; phần đất tranh chấp ông H đã được cụ V tặng cho ngày 17/11/2017, thời điểm lập văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2017 cụ V hoàn toàn minh mẫn, văn bản này đã được Ủy ban nhân dân phường TA chứng thực và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất này đã thuộc quyền sử dụng của ông H, không phải là di sản của cụ V để lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh E, bà Huỳnh UL, ông UE và bà Huỳnh L về chia thừa kế diện tích 1.461,3m² cho các đồng thừa kế. Áp dụng Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chia cho ông H 02 kỷ phần, do ông H có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế và nộp thuế. Đồng thời, các đồng thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại là 1/3 của số tiền 2.616.240.000 đồng mà cụ V phải trả cho bà Phan A. Đối với kháng cáo của bà Huỳnh L là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, do bà Lợi được hưởng

thừa kế 01 kỷ phần theo quy định, cần thiết ưu tiên chia cho bà tại vị trí cất nhà sử dụng từ trước đến nay để ổn định chỗ ở và có bù trừ theo diện tích thực tế mà bà được nhận khi chia thừa kế theo định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Theo bản án dân sự phúc thẩm số: 62/2016/DS-PT ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thì cụ Huỳnh V, ông Huỳnh H và bà Châu T được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 4.360,4m², thửa đất số 05, tờ bản đồ số 9 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, đất tọa lạc tại KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Cụ Huỳnh V chết ngày 20/8/2018, không để lại di chúc. Ông Huỳnh E và các đồng thừa kế của cụ V gồm: Bà Huỳnh L, ông UE và bà Huỳnh UL khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất diện tích 1.453,46m² do cụ V chết để lại. Ông Huỳnh H cho rằng, diện tích đất này ông được cụ V tặng cho ngày 17/11/2017 và việc tặng cho có làm văn bản, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nên ông H không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại cấp phúc thẩm, ông Huỳnh E cung cấp Giấy ủy quyền của cụ Huỳnh V lập ngày 09/9/2016. Mặc dù Giấy ủy quyền lập ngày 09/9/2016 được Ủy ban nhân dân phường TA chứng thực, tuy nhiên **tại thời điểm này cụ V chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đến ngày 03/11/2017 thì cụ Vĩnh, ông H và bà T mới được Ủy ban nhân dân thị xã L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.**

[3.2] Đối với Giấy tay cho đất con của cụ Huỳnh V lập ngày 13/5/2002 do bà Huỳnh L cung cấp. **Xét thấy**, Giấy tay cho đất con lập ngày 13/5/2002 viết tay không có công chứng, chứng thực là không đảm bảo về hình thức và **như đã nhận định tại mục [3.1] thì có đủ cơ sở kết luận việc ông E và bà Lợi căn cứ vào các giấy tờ cho đất của cụ V để yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.**

[3.3] Ông Huỳnh H có cung cấp chứng cứ là Văn bản thỏa thuận “Về việc nhường quyền sử dụng đất lại cho cá nhân ông Huỳnh H đứng tên trong giấy chứng nhận” lập ngày 17/11/2017 được Ủy ban nhân dân phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang chứng thực, theo qui định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số

23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, tại thời điểm lập Văn bản thỏa thuận như trên thì cụ V đã 94 tuổi (sinh năm 1924), cụ V không ký tên được mà phải điểm chỉ (lấn tay) trong Văn bản thỏa thuận lập ngày 17/11/2017. Mặc dù trước đó vào năm 2015-2016 các văn bản (Đơn kháng cáo, Bản tự khai, Giấy ủy quyền, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ) trong vụ án tranh chấp với bà Phan A thì cụ V đều ký tên. Đến năm 2017 cụ V không ký tên được mà phải điểm chỉ (lấn tay) trong Văn bản thỏa thuận lập ngày 17/11/2017 chứng tỏ sức khỏe của cụ V tại thời điểm xác lập Văn bản thỏa thuận này là không đảm bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông H trình bày là ông trực tiếp chở cụ V đến Ủy ban nhân dân phường TA để làm thủ tục và cụ V trực tiếp lấn tay vào Văn bản thỏa thuận lập ngày 17/11/2017 trước sự chứng kiến của cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Tuy nhiên, sau đó ông H có lời khai là ông đem đến Ủy ban nhân dân phường TA yêu cầu cơ quan thẩm quyền chứng thực, không có cụ V cùng đi, do cụ V già yếu, nhưng cán bộ Tư pháp phường TA và Trưởng KVA, phường TA có đến xác minh tình trạng sức khỏe của cụ V. Tuy nhiên, không có văn bản nào thể hiện việc cán bộ Tư pháp phường TA và Trưởng KVA, phường TA có trực tiếp đến nhà cụ V xác minh để xác nhận việc lấn tay của cụ V vào Văn bản thỏa thuận lập ngày 17/11/2017 là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và tình trạng sức khỏe của cụ V còn minh mẫn, sáng suốt.

Văn bản thỏa thuận “Về việc nhường phần quyền sử dụng đất lại cho cá nhân ông Huỳnh H đứng tên trong giấy chứng nhận” được ông Nguyễn Văn Bằng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TA, thị xã L ký chứng thực ngày 17/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường TA, không phải như lời trình bày của ông H tại phiên tòa ngày 28/9/2022. Mặt khác, đến ngày 02/7/2018 cụ V có đơn khởi kiện ông Huỳnh H, bà Châu T đến Ủy ban nhân dân phường TA để yêu cầu ông H, bà T chia cho cụ V 1/3 diện tích đất là 1.500m² mà Tòa án đã công nhận cho cụ V. Điều này chứng tỏ Văn bản thỏa thuận “Về việc nhường phần quyền sử dụng đất lại cho cá nhân ông Huỳnh H đứng tên trong giấy chứng nhận” lập ngày 17/11/2017 mà ông H cung cấp là không đúng ý chí tự nguyện của cụ V.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Văn bản thỏa thuận “Về việc nhường phần quyền sử dụng đất lại cho cá nhân ông Huỳnh H đứng tên trong giấy chứng nhận” lập ngày 17/11/2017 là vô hiệu. Do đó, cụ Huỳnh V, ông Huỳnh H và bà Châu T được quyền sử dụng chung phần đất diện tích 4.360,4m², thửa số 05, tờ bản đồ số 9 và thửa số 10, tờ bản đồ số 29 tại KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

[4]. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[4.1] Thời hiệu thừa kế:

Cụ Huỳnh V chết ngày 20/8/2018, phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ V để lại do ông Huỳnh H, bà Châu T quản lý, sử dụng nên ngày 22/12/2018 ông Huỳnh E khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất 1.342,43m² tại KVA, phường TA, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ V vẫn còn.

[4.2] Di sản thừa kế:

Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 55/HGR ngày 21/12/2021 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang thì phần đất tại thửa số 05 và thửa số 10 qua đo đạc thực tế có diện tích 4.027,3m². Như vậy, cụ Vĩnh, ông H và bà T mỗi người được sử dụng riêng diện tích là 1.342,43m². Cụ Huỳnh V chết không để lại di chúc nên phần đất diện tích 1.342,43m² được xác định là di sản chưa chia. Trong đó, ông H đang quản lý, sử dụng diện tích 1.153,93m² và bà Lợi đang quản lý, sử dụng diện tích 188,5m².

[4.3] Hàng thừa kế:

Cụ Huỳnh V chết không để lại di chúc nên di sản của cụ V được chia thừa kế theo pháp luật. Cụ V có 06 người con gồm: Huỳnh H, Huỳnh L, Huỳnh TN, Huỳnh E, Huỳnh Văn Út Em, Huỳnh UL.

[4.4] Về nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

Mặc dù Văn bản thỏa thuận “Về việc nhường quyền sử dụng đất lại cho cá nhân ông Huỳnh H đứng tên trong giấy chứng nhận” lập ngày 17/11/2017 vô hiệu, nhưng thực tế thì đến ngày 19/12/2018 (bút lục 51) ông H, bà T đã trả cho bà Phan A số tiền 2.616.240.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa ông E, bà Lợi, ông Út Em và bà UL đều thừa nhận việc trả tiền cho bà Anh là do ông H trả, các ông bà không có hùn tiền vào trả, cũng không có văn bản nào thể hiện cụ V có trả giá trị đất cho bà Anh. Do đó, có căn cứ xác định ông H đã thực hiện nghĩa vụ theo bản án đã tuyên là trả giá trị cho bà Phan A số tiền 2.616.240.000 đồng để được công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 4.360,4m² và đã nộp 84.324.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền cụ Vĩnh, ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ theo bản án là 2.616.240.000 đồng + 84.324.800 đồng = 2.700.564.800 đồng, như vậy cụ Vĩnh, ông H, bà T mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ là 900.188.267 đồng.

Theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, quy định: “1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; 2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại”.

Ngày 20/8/2018 cụ Huỳnh V chết không để lại di chúc. Di sản của cụ V để lại như đã nêu trên và thuộc trường hợp “*Trường hợp di sản chưa được chia*”. Vì vậy, ông Huỳnh H, bà Huỳnh L, ông Huỳnh E, ông Huỳnh Văn Út Em, bà Huỳnh UL cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản do cụ V chết để lại.

Căn cứ Điều 658 của Bộ luật Dân sự quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán thì người thừa kế phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trước nên phải tuyên việc thực hiện nghĩa vụ trước khi chia thừa kế. Đối với ông Huỳnh TN không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ V để lại nên ông Tư Nhỏ không có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do cụ V để lại. Như đã nhận định trên, ông H đã thực hiện nghĩa vụ thay cho cụ Vĩnh, vì vậy cần buộc bà Lợi, ông E, ông Út Em, bà UL có nghĩa vụ trả lại cho ông H.

Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì 01m² có đơn giá trung bình là 4.768.333 đồng, phần đất là di sản của cụ V do ông H đang quản lý là 1.153,93m² có giá trị quyền sử dụng đất là 5.502.322.498 đồng; Khấu trừ số tiền 900.188.267 đồng mà ông H đã thực hiện nghĩa vụ thay cho cụ Vĩnh. Như vậy, di sản của cụ V mà ông H đang quản lý là 4.602.134.231 đồng. Phần đất là di sản của cụ V do bà Lợi đang quản lý là 188,5m² có giá trị quyền sử dụng đất là 2.234.102.000 đồng. Tổng cộng di sản chưa chia là 4.602.134.231 đồng + 2.234.102.000 đồng = 6.836.236.231 đồng.

[4.5] Phân chia di sản:

Đối với ông Huỳnh TN không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ V để lại. Do đó, di sản cụ V sẽ được chia cho 05 người con gồm: Huỳnh H, Huỳnh L, Huỳnh E, Huỳnh Văn Út Em, Huỳnh UL, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế. Xét ông Huỳnh H và bà Huỳnh L có công sức trong việc quản lý, bảo quản, tôn tạo đối với khối di sản của cụ V để lại nên cần tính công sức cho ông H, bà Lợi tương đương 01 kỷ phần thừa kế. Như vậy, di sản của cụ V được chia thành 07 kỷ phần. Trong đó, các ông, bà Huỳnh E, Huỳnh Văn Út Em, Huỳnh UL mỗi người được chia 01 kỷ phần, đối với ông Huỳnh H và bà Huỳnh L mỗi người được chia 02 kỷ phần.

Di sản chưa chia là 6.836.236.231 đồng, được chia thành 07 kỷ phần $6.836.236.231 \text{ đồng} : 7 = 976.605.176 \text{ đồng}$. Theo đó, ông Huỳnh E, ông Huỳnh Văn Út Em, bà Huỳnh UL mỗi người được hưởng 01 kỷ phần tương đương số tiền 976.605.176 đồng; ông Huỳnh H và bà Huỳnh L mỗi người được hưởng 02 kỷ phần (trong đó có 01 kỷ phần quản lý, gìn giữ, tôn tạo di sản) tương đương số tiền là 1.953.210.352 đồng.

Xét thấy, hiện nay phần đất diện tích 1.153,93m² do ông H quản lý, sử dụng và phần đất diện tích 188,5m² do bà Lợi quản lý, sử dụng đều có xây dựng vật kiến trúc trên phần đất nên Hội đồng xét xử giao cho ông H, bà Lợi được

quyền sử dụng. Ông H, bà Lợi có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế của cụ Vgồm ông E, bà UL, ông Út Em. Cụ thể:

Di sản của cụ Vmà ông H đang quản lý có giá trị là 4.602.134.231 đồng, ông H được hưởng 02 kỷ phần với số tiền 1.953.210.352 đồng (4.602.134.231 đồng - 1.953.210.352 đồng = 2.648.923.879 đồng), như vậy ông H có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế của cụ Vgồm ông Huỳnh E, ông Huỳnh Văn Út Em, bà Huỳnh UL mỗi người là $2.648.923.879 \text{ đồng} : 3 = 882.974.626 \text{ đồng}$.

Phần đất bà Lợi đang quản lý $188,5\text{m}^2$ có giá trị quyền sử dụng đất là 2.234.102.000 đồng, bà Lợi được hưởng 02 kỷ phần tương đương với số tiền 1.953.210.352 đồng, số tiền còn lại 280.891.648 đồng bà Lợi có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế của cụ Vgồm ông Huỳnh E, ông Huỳnh Văn Út Em, bà Huỳnh UL mỗi người là $280.891.648 \text{ đồng} : 3 = 93.630.549 \text{ đồng}$.

[5]. Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp.

[6]. Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu tương ứng với phần giá trị đã được nhận. Đối với ông Huỳnh H, bà Huỳnh L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Ông Huỳnh E, ông UE và bà Huỳnh UL có đơn xin giảm án phí nên giảm 50% án phí cho các ông, bà.

[9]. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

[10]. Chi phí thẩm định đo đạc tại chỗ, chi phí thẩm định giá tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là: 77.194.547 đồng, chia cho 05 người gồm: Huỳnh H, Huỳnh L, Huỳnh E, Huỳnh Văn Út Em, Huỳnh UL mỗi người phải chịu 15.438.909 đồng. Ông E đã nộp trước số tiền 50.784.547 đồng, bà Lợi đã nộp trước số tiền 10.000.000 đồng, ông H đã nộp trước số tiền 16.410.000 đồng nên ông Út Em, bà UL, bà Lợi có nghĩa vụ nộp trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 615, Điều 650, Điều 651, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh E, bà Huỳnh L, bà Huỳnh UL, ông Huỳnh Văn Út Em.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh E.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn ông Huỳnh H đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh L.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh UL, ông Huỳnh Văn Út Em.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh L yêu cầu chia thừa kế tại vị trí số II Mạnh trích đo địa chính số 09/SHC ngày 03/8/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Tài nguyên và Môi trường Sông Hậu.

1. Ông Huỳnh H được quyền sử dụng phần đất diện tích 1.153,93m², trong đó diện tích 841,7m² tại vị trí (IX) và diện tích 312,23m² tại vị trí (IXa), (IXb) thửa đất số 05, tờ bản đồ số 09 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01178 ngày 27/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh H (có lược đồ kèm theo).

Ông Huỳnh H có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho các ông, bà như sau:

Ông Huỳnh E số tiền 882.974.626đ (tám trăm tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Ông UEsố tiền 882.974.626đ (tám trăm tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Bà Huỳnh UL số tiền 882.974.626đ (tám trăm tám mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

2. Bà Huỳnh L được quyền sử dụng phần đất diện tích 188,5m² tại vị trí (II), thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01177 ngày 27/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Huỳnh H (có lược đồ kèm theo).

Bà Huỳnh L có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho các ông, bà như sau:

Ông Huỳnh E số tiền 93.630.549đ (chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Ông UEsố tiền 93.630.549đ (chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Bà Huỳnh UL số tiền 93.630.549đ (chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh E phải chịu 20.649.078đ (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), chuyển 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí ông E đã nộp theo biên lai thu số 0019446 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông Huỳnh E còn phải nộp thêm 15.649.078đ (mười lăm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Bà Huỳnh L được miễn nộp án phí. Bà Huỳnh L được nhận lại 1.000.000đ (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0021255 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Bà Huỳnh UL phải chịu 20.649.078đ (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), chuyển 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021256 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Huỳnh UL còn phải nộp thêm 19.649.078đ (mười chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Ông UEphải chịu 20.649.078đ (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), chuyển 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021257 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông UEcòn nộp thêm 19.649.078đ (mười chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

Ông Huỳnh H được miễn nộp án phí. Ông Huỳnh H được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000286 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Huỳnh E được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000343 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Ông UE được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000344 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Bà Huỳnh UL được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000345 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

5. Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí thẩm định giá tài sản:

Buộc ông Huỳnh Văn Út Em, bà Huỳnh UL mỗi người trả 15.438.909đ (mười lăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ chín đồng) cho ông Huỳnh E.

Buộc bà Huỳnh L trả 4.467.820đ (bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai chục đồng) cho ông Huỳnh E.

Buộc bà Huỳnh L trả 971.089đ (chín trăm bảy mươi một nghìn không trăm tám mươi chín đồng) cho ông Huỳnh H.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. L;
- Chi cục THADS TX. L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Đình Nghệ

